

1 Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

- Nhận biết sản phẩm
- Tên sản phẩm: **REMICRETE-SP 10 (BV) / (FM)**
- Mã sản phẩm: 401410
- Mục đích sử dụng hóa chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng
Không có thêm thông tin liên quan.
- Cách sử dụng chất/hỗn hợp Phụ gia bê tông/Vữa
- Chi tiết về Nhà cung cấp Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
- Nhà sản xuất/Nhà cung cấp:
SCHOMBURG ICS GmbH
Aquafinstr. 2-8
D-32760 Detmold
Đức

Tel: ++49 (0)5231/953-02
Fax: ++49 (0)5231/953-390
web: www.schomburg.com
- Phòng Thông tin:
Phòng An toàn Sản phẩm

Tel: ++49 (0)5231/953-193
Fax: ++49 (0)5231/953-106
email: guido.herfort@schomburg.de

2 Nhận biết nguy hiểm

- Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp
- Phân loại theo Quy định (EC) 1272/2008
Sản phẩm không được phân loại theo tiêu chuẩn CLP.
- Phân loại theo Chỉ thị 67/548/EEC hoặc Chỉ thị 1999/45/EC không
- Thông tin về các nguy hiểm cụ thể cho con người và môi trường:
Sản phẩm cực kỳ độc hại với nước. Không được làm ô nhiễm môi trường, hệ thống thoát nước hay nguồn cấp nước.
Sản phẩm kích ứng cho da và mắt.
Hít phải sơn phun aerosol có thể có hại cho sức khỏe.
- Hệ thống phân loại:
Phân loại theo các danh mục hiện hành của EC. Tuy nhiên, được mở rộng dựa trên các thông tin kỹ thuật và thông tin từ Nhà cung cấp.
- Thành phần nhãn
- Dán nhãn theo Tiêu chuẩn (EC) No 1272/2008 Không có thông tin
- Biểu tượng Nguy hiểm Không có thông tin
- Từ báo hiệu Không có thông tin
- Cảnh báo nguy hiểm không
- Các mối nguy hiểm khác
- Kết quả thẩm định PBT và vPvB
- PBT: Không áp dụng.
- vPvB: Không áp dụng.

3 Thành phần/Thông tin về các phụ liệu

- Đặc tính hóa học: Hỗn hợp
- Mô tả: Dung dịch chứa nước của ê te poly cacbonxylat
- Các thành phần nguy hiểm: Không có thông tin

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 2

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: REMICRETE-SP 10 (BV) / (FM)

(Tiếp theo trang 1)

4 Các biện pháp sơ cứu

- **Mô tả các biện pháp sơ cứu**
- **Thông tin tổng quan** Bảo hộ cá nhân cho nhân viên Sơ cứu.
- **Sau khi hít phải** Cung cấp không khí sạch, đi khám nếu xuất hiện các triệu chứng.
- **Sau khi tiếp xúc với da**
Lập tức rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nước và chất tẩy rửa nhẹ. Lập tức thay ngay quần áo bị nhiễm bẩn nặng.
Không sử dụng dung môi để làm sạch da.
- **Sau khi tiếp xúc với mắt** Mở mắt và rửa sạch một vài phút dưới vòi nước chảy.
- **Sau khi nuốt phải**
Rửa sạch miệng, sau đó uống nhiều nước. Đi khám ngay.
- **Thông tin dành cho bác sỹ**
- **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**
Không có thông tin liên quan.
- **Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay**
Không có thông tin liên quan.

5 Các biện pháp chữa cháy

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các chất dập lửa phù hợp**
Sản phẩm có thể cháy khi tồn tại thành phần nước.
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với môi trường.
- **Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp** Không có thông tin liên quan.
- **Chỉ dẫn cho nhân viên chữa cháy**
- **Thiết bị bảo hộ:** Đeo bình khí thở (SCBA).
- **Thông tin bổ sung** Tuân thủ quy trình ứng phó khẩn.

6 Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

- **Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang bị bảo hộ và qui trình ứng phó khẩn** Không bắt buộc.
- **Bảo vệ môi trường:**
Sản phẩm không được rò rỉ ra hệ thống thoát nước, đường cấp nước hoặc đất. Xây các rào chắn bằng cát, đất hoặc các chất trám kín khác.
- **Các biện pháp và vật liệu dùng để thu dọn và vệ sinh:**
Thấm hút bằng vật liệu có khả năng giữ nước (cát, đất tảo cát, vữa axit, vữa thường, mùn cưa).
- **Các mục tham khảo khác**
Xem Mục 7 để biết thông tin về xử lý an toàn
Xem Mục 8 để biết thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân.
Xem Mục 13 để biết thông tin về tiêu hủy chất thải.

7 Xử lý và cất giữ

- **Xử lý**
- **Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn**
Đề xa tầm với của trẻ em.
Không để đồ ăn ở khu vực làm việc.
Không lưu trữ các bình chứa đã mở.
- **Thông tin về các biện pháp phòng chống cháy nổ:** Không yêu cầu biện pháp đặc biệt nào.
- **Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm cả điều kiện không tương thích**
- **Cất giữ**
- **Các yêu cầu đối với phòng bảo quản và thùng chứa:**
Không có yêu cầu đặc biệt.
Không bảo quản ở phòng sinh hoạt chung.

(Xem tiếp ở trang 3)

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 2

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: REMICRETE-SP 10 (BV) / (FM)

(Tiếp theo trang 2)

- **Thông tin về cất giữ trong điều kiện bảo quản thông thường:** Không yêu cầu.
- **Thông tin bổ sung về điều kiện cất giữ:** Chống đóng băng.
- **Chỉ định riêng** Không có thông tin liên quan.

8 Kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

- **Thông tin bổ sung về thiết kế của các hệ thống kỹ thuật:**
Phải có điều kiện vệ sinh da ở nơi làm việc.
Phải có sẵn chai nước rửa mắt.
- **Thông số kiểm soát**
- **Các thành phần có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc:**
Sản phẩm không chứa bất kỳ hàm lượng vật liệu nào có liên quan có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc.
- **Thông tin bổ sung:** Các danh mục có hiệu lực trong quá trình biên soạn được sử dụng làm thông tin cơ sở.
- **Kiểm soát phơi nhiễm**
- **Thiết bị bảo hộ cá nhân**
- **Tổng quan các biện pháp vệ sinh và bảo hộ**
Để tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn.
Rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm. Không ăn uống hoặc hút thuốc trong khi làm việc.
Không dùng chất pha loãng để làm sạch da.
Tránh tiếp xúc với mắt và da. Thay quần áo bị sản phẩm làm nhiễm bẩn nặng. Sử dụng kem dưỡng da sau khi làm việc.
- **Thiết bị thở:**
Chỉ sử dụng khi xịt mà không hút ra để loại bỏ hết. Khi xịt sản phẩm thì sử dụng ống thở P2.
- **Bảo vệ tay:**
Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay cao su nitril-latec.
Trong trường hợp đeo găng tay bảo hộ bằng cao su tổng hợp thì đeo thêm găng tay bằng vải bông bên trong. Sử dụng kem dưỡng da cho những vùng da hở.
- **Chất liệu làm găng tay**
Cao su nitril, NBR
Cao su butyl, BR
Việc lựa chọn găng tay phù hợp không chỉ phụ thuộc vào chất liệu mà còn vào các mục tiêu về chất lượng và thay đổi tùy theo nhà sản xuất.
- **Thời gian thấm của chất liệu làm găng tay**
Thời gian mòn thủng chính xác phải do nhà sản cung cấp và phải được theo dõi.
- **Bảo vệ mắt:** Trong trường hợp bị bắn tung tóe thì phải đeo kính bảo hộ.
- **Bảo vệ cơ thể:** Sử dụng thiết bị bảo vệ cơ thể dùng một lần.

9 Các đặc tính lý, hóa

- **Thông tin về các đặc chất lý hóa cơ bản**
- **Tổng quan**
- **Tính chất vật lý:**

· Thế:	chất lỏng nhớt
· Màu sắc:	Vàng nhạt
· Mùi:	Nhẹ, đặc trưng
- **Độ pH ở nhiệt độ 20 °C:** 7
- **Thay đổi trong điều kiện**

· Điểm nóng chảy/Phạm vi nóng chảy:	Không xác định
· Điểm sôi/Phạm vi sôi:	100 °C

(Xem tiếp ở trang 4)

Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
theo Quy định số 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 2

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: REMICRETE-SP 10 (BV) / (FM)

(Tiếp theo trang 3)

· Điểm bùng cháy:	Không áp dụng
· Khả năng Tự cháy:	Sản phẩm không tự bốc cháy
· Nguy cơ cháy nổ:	Sản phẩm không có nguy cơ cháy nổ
· Áp lực hơi ở 20 °C :	23 hPa
· Tỉ trọng ở 20 °C	1.06 g/cm ³
· Độ hòa tan trong / Khả năng hòa lẫn với Nước:	Hòa tan hoàn toàn
· Thông tin khác	Không có thông tin liên quan.

10 Độ ổn định và Hoạt tính

- **Hoạt tính**
- **Độ Ổn định hóa học**
- **Phân hủy do nhiệt/ các điều kiện cần tránh:**
Không phân hủy nếu sử dụng đúng theo chỉ dẫn kỹ thuật.
- **Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm** Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến
- **Điều kiện cần tránh** Không có thông tin liên quan.
- **Vật liệu không tương thích:** Không có thông tin liên quan.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến

11 Thông tin về độc tính

- **Thông tin về các ảnh hưởng độc hại**
- **Độc tính cấp:**
- **Các giá trị LD/LC50 phù hợp để phân loại:** Hiện không có ngày.
- **Hiệu ứng kích thích sơ cấp:** Chưa có tác động kích thích nào được biết đến.
- **Mẫn cảm:** Chưa có trường hợp mẫn cảm nào được biết đến.
- **Thông tin độc tính bổ sung:**
Sản phẩm không chịu sự phân loại theo phương pháp tính toán trong Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các Chế phẩm của EC - phiên bản hiện hành mới nhất.

* 12 Thông tin sinh thái

- **Độc tính**
- **Độc tính thủy sinh:** Không có thông tin liên quan.
- **Độ tồn lưu và khả năng phân hủy** Không có thông tin liên quan.
- **Diễn biến trong các hệ môi trường:**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thông tin liên quan.
- **Độ linh động trong đất** Không có thông tin liên quan.
- **Thông tin sinh thái bổ sung:**
- **Lưu ý chung:**
Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước nhóm 1 (Tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước. Không để sản phẩm ngấm vào nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải dù chỉ với một lượng nhỏ.
- **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
- **PBT:** Không áp dụng.
- **vPvB:** Không áp dụng.
- **Các ảnh hưởng có hại khác** Không có thêm thông tin liên quan.

GB

(Xem tiếp ở trang 5)

Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
theo Quy định số 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 2

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: REMICRETE-SP 10 (BV) / (FM)

(Tiếp theo trang 4)

13 Những lưu ý khi tiêu hủy

- Các biện pháp xử lý chất thải
- **Khuyến nghị** Với khối lượng nhỏ thì có thể tiêu hủy cùng với rác thải sinh hoạt.
- **Danh mục chất thải của Ủy ban Châu Âu**
07 00 00 Các chất thải từ các quá trình hóa chất hữu cơ
07 01 00 Chất thải từ việc sản xuất, chế biến, cung cấp và sử dụng (MFSU) các hóa chất hữu cơ cơ bản
07 01 99 các chất thải không quy định khác
- **Bao bì chưa làm sạch:**
- **Khuyến nghị:** Phải tiêu hủy theo các quy định chính thức.
- **Chất làm sạch khuyến nghị:** Nước, dùng thêm chất tẩy rửa nếu cần.

14 Thông tin về Vận chuyển

- | | |
|--|---|
| · Mã LHQ (UN) | |
| · ADR, ADN, IMDG, IATA | Không có thông tin |
| · Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ | |
| · ADR | Không có thông tin |
| · ADN, IMDG, IATA | Không có thông tin |
| · Phân loại nguy hiểm khi vận chuyển | |
| · ADR, ADN, IMDG, IATA | |
| · Cấp độ | Không có thông tin |
| · Nhóm đóng gói | |
| · ADR, IMDG, IATA | Không có thông tin |
| · Nguy hiểm cho môi trường: | Không áp dụng. |
| · Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng | Không áp dụng. |
| · Vận chuyển với khối lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và quy tắc IBC | Không áp dụng. |
| · Vận chuyển/Thông tin bổ sung: | Không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn trên. |
| · "Quy định mẫu" của LHQ: | - |

15 Thông tin pháp luật

- Các quy định/pháp chế cụ thể về môi trường, sức khỏe, và an toàn lao động cụ thể đối với chất hoặc hỗn hợp
- Các quy định quốc gia
- **Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước:** Nguy hiểm cho môi trường nước Nhóm 1 (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước
- **Thẩm định an toàn hóa chất:** Chưa tiến hành thẩm định an toàn hóa chất

16 Thông tin khác

Dữ liệu này được biên soạn dựa trên vốn kiến thức mới nhất của chúng tôi. Dữ liệu không tuyên bố sự bảo đảm cho bất kỳ thuộc tính cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý nào.

- **Bộ phận phát hành bằng dữ liệu kỹ thuật:** Phòng Bảo vệ Môi trường.
- **Liên hệ:** Ông Guido Herfort
- **Từ và cụm từ viết tắt:**

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (Quy Định Vận Tải Đường Bộ Châu Âu Đối Với Hàng Hóa Nguy Hiểm)
IMDG: Bộ Luật Hàng Hải Quốc Tế Về Hàng Hóa Nguy Hiểm

(Xem tiếp ở trang 6)

Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
theo Quy định số 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 2

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: REMICRETE-SP 10 (BV) / (FM)

(Tiếp theo trang 5)

IATA: Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
GHS: Hệ Thống Hàì Hoà Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất
EINECS: Danh Mục Các Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành Của Liên Minh Châu Âu
ELINCS: Danh Mục Các Hóa Chất Đã Khai Báo Của Liên Minh Châu Âu
CAS: Phòng Ngâm Chiết Hóa chất (cơ quan trực thuộc Hiệp hội Hóa chất Hoa Kỳ)
LC50: Nồng độ gây chết người, 50%
LD50: Liều lượng gây chết người, 50%

· * **Dữ liệu có sửa đổi so với phiên bản trước**

GB